

Bản án số: 749/2019/HC-PT

Ngày 22/10/2019

“Khiếu kiện Quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 731/2018/TLPT-HC ngày 13 tháng 12 năm 2018, về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 143/2018/HC-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1912/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số 281A, ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Vũ Quang Đức và Cao Ngọc Sơn thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành U, chức vụ Phó chủ tịch UBND huyện B (có văn bản xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đặng Hoàng P, chức vụ Phó trưởng phòng TNMT huyện B (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Quốc T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 281A, ấp 7, xã L, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị Thanh T (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và phần trình bày của người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị Thanh T để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng ĐT.830 và ĐT.824 từ cầu An Thạnh đến TT Đức Hòa theo hình thức hợp đồng BOT tại xã L, huyện B; Yêu cầu UBND huyện B phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho bà là 6.000.000đ/m² với phần đất diện tích 30m² (thuộc một phần thửa số 1495, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã L, huyện B) và bồi thường giá trị tài sản trên đất là sân xi măng là 30m² x 200.000đ = 6.000.000đ.

Lý do khởi kiện:

Thửa đất số 1495, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã L, huyện B có diện tích 155m² do bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Xuân năm 2016, bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có quy định trừ hành lang lộ giới. Phần diện tích khoảng 30m² thuộc thửa số 1495 nằm ở vị trí từ mép đường 830 đến cột mốc giải phóng mặt bằng hiện chưa được sử dụng để mở rộng đường nhưng theo bà sau này UBND huyện B sẽ sử dụng làm đường. UBND huyện B không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho bà mà chỉ bồi thường giá trị tài sản là sân xi măng với giá thấp gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà. Hiện thửa đất này bà đang thế chấp Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam để vay tiền nhưng chưa đến ngày đáo hạn. Trước đây bà T yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất với giá 4.000.000đ/m² tuy nhiên nay dựa vào giá thị trường mua bán thì giá đất là 6.000.000đ/m² do đó bà yêu cầu UBND huyện B bồi thường với mức giá này.

Bà T cũng là người đại diện theo ủy quyền của chồng là ông Phan Quốc T

trình bày: Bà và ông T là vợ chồng, thửa đất số 1495 do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của bà Xuân, ông T thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của bà.

Người bị kiện UBND huyện B vắng mặt, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

UBND huyện B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T, vì không có cơ sở xem xét, cụ thể: Đối với yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, phần đất mà bà T cho rằng UBND huyện thu hồi nhưng không bồi thường thì không có trong danh sách bảng thống kê diện tích, loại đất phải thu hồi để mở rộng đường tỉnh 830 do Trung tâm kỹ thuật và Tài nguyên môi trường lập ngày 06/10/2016 và Thông báo số 176/TB-UBND ngày 19/10/2016 của UBND huyện B về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình nâng cấp, mở rộng đường 830 và đường 824 đoạn từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa.

Căn cứ theo Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh L và Quyết định số 2040/QĐ.UB ngày 16/11/1996 của UBND tỉnh L thì toàn bộ diện tích giải phóng mặt bằng trong đó có một phần diện tích đất thuộc thửa số 1495 mà bà T yêu cầu nằm trong phạm vi đất đã được nhà nước thu hồi từ năm 1996 theo Quyết định số 2040/QĐ.UB do người dân hiến đất. Do đó, bà T yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất giá 6.000.000 đồng/m² là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà T: UBND huyện B bồi thường giá trị tài sản là diện tích 30m² sân xi măng bị ảnh hưởng với giá 97.000 đồng/m² theo đúng đơn giá quy định tại Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh L. Bà T yêu cầu bồi thường với giá 200.000 đồng/m² là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 143/2018/HC-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND huyện B “về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị Thanh T để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng ĐT.830 và ĐT.824 từ cầu An Thạnh đến TT Đức Hòa theo hình thức hợp đồng BOT tại xã L, huyện B”; Yêu cầu UBND huyện B phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho bà là 6.000.000đ/m² với phần đất bị thu hồi diện tích 30m² (thuộc một phần thửa số 1495, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã L, huyện B) và bồi thường giá trị tài sản trên đất là sân xi măng là 30m² với giá 200.000đ/m².

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/10/2018 bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy một phần Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên kháng cáo. Các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thanh T cho rằng: diện tích 30m² đất bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng, chủ đất cũ đã hiến tặng cho nhà nước mở rộng đường năm 1996, đến nay UBND huyện B không cung cấp được tài liệu chứng cứ để xác định chủ đất cũ đã hiến đất cho nhà nước. Năm 2016, bà Nguyễn Thị Thanh T nhận chuyển nhượng 155m² đất của bà Xuân, được UBND huyện B cấp đúng diện tích đất trên cho bà Nguyễn Thị Thanh T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T thì thấy: mặc dù bà Nguyễn Thị Thanh T được cấp giấy chứng nhận QSDĐ 155m² nhưng thực tế đất nhà nước đã thu hồi từ năm 1996, việc UBND huyện B cấp diện tích đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T là có sai sót, song không làm thay đổi việc thu hồi đất trước đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T, cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ, khi thu hồi đất”; đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND huyện B, tỉnh L; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh L, được quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND huyện B, tỉnh L về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T, cấp sơ thẩm xác định đúng theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013 là có căn cứ.

[3]. Xét tính hợp pháp Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND huyện B, tỉnh L về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T thì thấy: Thửa đất số 1495, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã L, huyện B có diện tích 155m² do bà Nguyễn Thị Thanh T nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Xuân vào năm 2016 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng diện tích trên. UBND huyện B, tỉnh L cho rằng trước khi chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Xuân đã hiến tặng 30m² đất cho nhà nước để mở rộng đường 830. Theo người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện B, tỉnh L thì bà Nguyễn Thị Xuân đã hiến đất cho nhà nước thể hiện tại Quyết định số 2040/QĐ.UB ngày 16/11/1996 của UBND tỉnh L, nhưng quyết định trên ghi tổng diện tích thu hồi, bồi thường... chứ không thể hiện diện tích đất của bà Nguyễn Thị Xuân bị thu hồi hay hiến đất cho nhà nước. UBND huyện B, tỉnh L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ bà Nguyễn Thị Xuân đã hiến tặng 30m² đất cho nhà nước để mở rộng đường, nay bà Nguyễn Thị Xuân có văn bản không thừa nhận hiến tặng đất cho nhà nước. Như vậy, UBND huyện B, tỉnh L ban hành Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 08/02/2017, không ghi diện tích đất thu hồi, bồi thường giá trị đất là không

đúng theo quy định tại Điều 74 Luật đất đai năm 2013, gây thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

[4]. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp nên không chấp nhận; lời bảo vệ của các luật sư cho bà Nguyễn Thị Thanh T là có căn cứ nên chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND huyện B, tỉnh L về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T; buộc UBND huyện B, tỉnh L ban hành lại Quyết định về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giá trị đất và tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T đúng quy định của pháp luật. Do sửa án nên bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm, UBND huyện B, tỉnh L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của của bà Nguyễn Thị Thanh T; sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 74 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L ban hành lại Quyết định về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giá trị đất và tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T đúng quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 1.300.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp xong.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh L phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001026 ngày 05/12/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh L.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu nên hoàn trả 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000159 ngày 26/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22/10/2019.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự (2);
- Lưu VP(6), HS(1) PTHH-14.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Ý

